

Tâm sự của người lính chiến trường biên giới Tây Nam trong thơ Việt Nam hiện đại

Nguyễn Thị Phương Thúy, Phạm Trần Thảo Ngân

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

Email: phuongthuynt@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 27/5/2022; Ngày sửa bài: 28/7/2022; Ngày duyệt đăng: 02/8/2022

Tóm tắt

Chiến tranh biên giới Tây Nam là cuộc chiến gần đây nhất mà dân tộc Việt Nam trải qua, nhưng dấu ấn của nó trong văn học hiện đại không sâu đậm như hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ. Có thể vì nó chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, có thể cuộc chiến tranh ấy xảy ra phần lớn là trên đất bạn Campuchia, cũng có thể giới văn nghệ sĩ và công chúng thuở ấy đã bắt đầu thấm mệt với đề tài chiến tranh vì phải đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp của cuộc sống thời bình. Tuy nhiên, từ cuộc chiến ấy vẫn cất lên những tiếng thơ vừa hào hùng vừa u uẩn. Bài viết này phân tích một số tác phẩm thơ của Phạm Sỹ Sáu, Lê Minh Quốc, Đoàn Tuấn, Anh Ngọc - những người đã trực tiếp góp mặt trong chiến tranh biên giới Tây Nam - khai thác cái nhìn hướng ngoại của họ khi quan sát kẻ thù Khmer Đỏ, đất nước và nhân dân Campuchia, cùng cái nhìn hướng nội khi họ chiêm nghiệm về bản thân, đồng đội và tính chất của cuộc chiến tranh mà họ tham gia. Với nhãn quan lịch sử-cụ thể, phương pháp phân tích thi pháp thơ kết hợp với phương pháp so sánh, bài viết cho thấy người lính Tây Nam đã kế thừa tư tưởng và tâm thế của những thế hệ chiến đấu đi trước nhưng đồng thời cũng có những cảm xúc riêng bắt nguồn từ những trải nghiệm thực tế trong một cuộc chiến tranh mang đặc thù khác.

Từ khóa: chiến tranh biên giới Tây Nam, thơ ca, người lính

Thinking and feeling of Vietnamese soldiers in the southwestern border war in Vietnamese modern poetry

Abstract

Despite being the latest war that happened to the Vietnamese people, the Southwestern border war, during the late 1970s made a very light imprint on Vietnamese modern literature comparing to the two previous resistant wars against France and America. Perhaps because this war took place mostly outside the country and lasted just a few years - much shorter than the two other wars. Besides, we cannot exclude the social context of the late 1970s during which Vietnamese people, including writers and readers, were too busy adapting themselves to the newly formed peace and to worn out by idealistic war clichés to pay attention to literature about another war. However, this fleeting but devastating war still produced a poetic sound so prideful but sorrowful. From the comparative perspective, this article analyses poems by a few writers who participated in this war such as Phạm Sỹ Sáu, Lê Minh Quốc, Đoàn Tuấn and Anh Ngọc, exploiting their outer view of the enemies, the Cambodian country and people and their inner perspective of themselves, their comrades and the war they were taking part in. With the historical view

and the poetic and comparative methods, this article comes to the conclusion that the soldiers of the Southwestern border war inherited the spiritual posture of their predecessors but had their own distinctive feelings about their own war.

Keywords: Southwestern border war, poetry, soldiers

1. Mở đầu

So với lượng tác phẩm thơ đồ sộ và vang dội dư âm ra đời trong mấy mươi năm chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, tiếng thơ từ chiến tranh biên giới Tây Nam như mất hút giữa những bộn bề lo toan của thời hậu chiến. Bước sang thế kỷ 21, khi cuộc chiến này bắt đầu xuất hiện trở lại trong rất nhiều tác phẩm văn xuôi gây được tiếng vang như các tiểu thuyết *Đất không đổi màu* của Nguyễn Quốc Trung (2005), *Bên dòng sông Mê* của Bùi Thanh Minh (2012), *Mùa xa nhà* của Nguyễn Thành Nhân (2013), *Miền hoang* của Sương Nguyệt Minh (2014), *Hoang tâm* của Nguyễn Đình Tú (2015), ... và các tác phẩm ký như *Từ biên giới Tây Nam đến đất chùa tháp* của Trần Ngọc Phú (2016, 2017, 2018), *Lính Hà* của Nguyễn Ngọc Tiến (2017), *Mùa chinh chiến ấy* của Đoàn Tuấn (2017) và *Mùa linh cảm* của Đoàn Tuấn (2019), *Về từ hành tinh ký ức* của Võ Diệu Thanh (2018), *Chuyện lính Tây Nam* của Trung Sỹ (2019), ... thì thơ ca viết về cuộc chiến tranh này lại không đạt được sự hồi sinh mạnh mẽ như vậy. Thơ xuất hiện rải rác từ chiến trường để giải bày tâm tư người lính, vang vọng từ quê nhà như lời động viên tới các chiến sĩ trên đất bạn, hoặc thỉnh thoảng cất lên trong thời hậu chiến khi người cựu chiến binh tưởng nhớ tuổi trẻ và đồng đội của mình, với các tên tuổi như Phạm Sỹ Sáu, Lê Minh Quốc, Đoàn Tuấn, Anh Ngọc, Thu Bồn, Cao Vũ Huy Miên, Ngân Vịnh, Lương Hữu Quang, ...

Thơ ca về chiến tranh biên giới Tây

Nam nói chung và chân dung người lính của cuộc chiến tranh này nói riêng chưa từng là đối tượng của một công trình nghiên cứu chuyên sâu nào trước đây mà chỉ xuất hiện rải rác trong các bài viết ngắn đăng trên các báo phổ thông như “Thơ Phạm Sỹ Sáu: bi tráng mà không bi lụy” của Huỳnh Kim, “Phạm Sỹ Sáu - một đời thơ lính” của Yên Lan, “Nhà thơ Phạm Sỹ Sáu: ngày lính và đời thơ” của Hoàng Nhân, “Nhà văn Đoàn Tuấn: cúi xuống cuộc đời” của Cẩm Thúy, “Tiếng lòng ngợi ca quân tình nguyện Việt Nam” của Hà Phan, “Mười năm một thế hệ K” của Nguyễn Thịnh, ... Những bài viết này thường bình luận nội dung tác phẩm và nhấn mạnh đóng góp của từng nhà thơ cụ thể hơn là phân tích những đặc điểm chung của dòng thơ này từ cái nhìn hệ thống. Những nhận xét cũng chỉ dừng lại ở cảm nhận trực quan khi đọc thơ. Để khai thác sâu hơn giá trị và dấu ấn riêng của dòng thơ này trong dòng chảy chung của thơ ca chiến tranh Việt Nam thế kỷ hai mươi, bài viết này phân tích tâm tư của người chiến sĩ biên giới Tây Nam thể hiện trong thơ, cụ thể là cách họ nhìn ra bên ngoài để quan sát kẻ thù, quan sát nước bạn, và cách họ nhìn vào bên trong chính mình, chia sẻ tâm tư với đồng đội, từ đó chiêm nghiệm về bản chất cuộc chiến tranh mà họ tham gia.

2. Cái nhìn hướng ngoại: suy ngẫm về kẻ thù Khmer Đỏ, về đất nước và nhân dân Campuchia

Thơ ca chiến tranh cất lên từ một trong các bên tham chiến tất yếu có tư duy phân lập giữa đồng đội và kẻ thù, và kẻ thù

thường hiện lên với dáng vẻ xấu xa, tồi tệ, độc ác. Thơ ca kháng chiến chống Mỹ, chống Pháp và cả những thời kỳ xa xưa hơn nữa từng viết rất nhiều về quân thù hung bạo, về tội ác tày trời của giặc; thơ ca biên giới Tây Nam cũng không ngoại lệ. Thật khó để nói kẻ thù nào tàn ác hơn kẻ thù nào. Quân đội Khmer Đỏ vẫn được miêu tả bằng ước lệ lang sói, dã thú quen thuộc:

Bọn chúng như những kẻ hoài thai

Lòng lang dạ thú.

[...]

Những tiếng thét xung phong như là tiếng sủa

Của loài thú hoang

(Phạm Sỹ Sáu, 2016: 18).

Tuy nhiên, có thể đọc được giữa những dòng thơ nổi kinh hoàng của người lính trẻ Việt Nam trước sự giết chóc bằng những phương thức man rợ của quân đội Khmer Đỏ đối với đồng loại:

Cả một bầy gặm rú

“Tró”, “Cáp duôn” rất hăng

Không nỉ năn

Không xin xỏ

Bắn bỏ

Chẳng chừa móng nào

Đốt sạch

Giết sạch

Ai chống cự dao lê này sẽ rạch bụng.

(Phạm Sỹ Sáu, 2016: 18)

Nổi kinh hoàng ấy dẫn đến sự băn khoăn về tính người. Chiến tranh vốn đẫm máu, nhưng không phải vô cớ mà quân đội Khmer Đỏ được thế giới nhớ đến với tội ác diệt chủng. Lịch sử đã ghi lại nhiều trận thảm sát quy mô lớn với những cách thức rất dã man của quân Khmer Đỏ. Núi xương sông máu trong thơ ca viết về cuộc chiến tranh này không còn là ước lệ tượng trưng, mà mô tả một hiện thực đáng sợ. Quân Khmer Đỏ không chỉ giết người “ngoại

chủng” là bộ đội và nhân dân Việt Nam, mà còn tàn sát cả đồng bào Campuchia của mình:

Năm 1978

xác dân Campuchia ngập bến Công-pông Chàm

và máu người Việt Nam

nhuộm đỏ dòng kênh Vĩnh Tế

sông Mê-kông trôi như dòng lệ

xác người cuộn với phù sa

bồi đắp lên ruộng đồng của ăng-ca

những vụ mùa bội thu của quý

là thợ gặt mà sợ nhìn hạt lúa

là thợ cày mà sợ thấy luống cày

chân lấm tay bùn giờ kinh sợ đất đai

ba triệu năm xương vùi đủ thay màu

cho đất

đám mây qua lang thang như giẻ rách

che rợp trời ba triệu mảnh hồn oan.

(Anh Ngọc, 2015: 112)

Ý thức hệ cực đoan với mong muốn xây dựng đất nước Campuchia thành một xã hội cộng sản nông nghiệp nguyên sơ, thuần chủng đã đưa lực lượng Khmer Đỏ đến những hành động diệt chủng thảm khốc. Họ tuyệt đối hóa vai trò của nông dân, tiêu diệt trí thức, dồn dân về nông thôn lao động khổ sai trong các công xã, kích động phân biệt dân tộc, tôn giáo, phá hủy trường học, cơ sở thờ tự... với niềm tin đáng sợ rằng “*Chỉ một mình tinh anh/ Chỉ một mình đưa cả nước Campuchia tiến lên*” (Phạm Sỹ Sáu, 2016: 23). Cơ sở ý thức hệ ấy cộng với quyền lực chính trị và sức mạnh quân sự đã biến một đất nước Campuchia với bề dày lịch sử văn hóa thành vùng đất chết.

Những tội ác kinh hoàng đó đã khiến các nhà thơ Việt Nam không khỏi cảm thương cho đất nước và nhân dân Campuchia vốn tươi đẹp hiền hòa. Dù là đất đai và con người xa lạ nhưng Campuchia vẫn khiến người lính Việt liên tưởng đến

quê hương mình. Nhớ quê là đặc điểm tâm trạng quen thuộc của người tha hương, đặc biệt là những người lính đi chiến đấu xa nhà. Trong trường hợp chiến đấu bên ngoài Tổ quốc này, nỗi nhớ nhà thường đi kèm với những ấn tượng so sánh, vừa làm bật lên nét đặc sắc của xứ bạn, vừa tô đậm nỗi bơ vơ của người lính trên đất khách:

*Ở nơi ấy có một làng quê cổ
Cứ chiều chiều lững thững khói bay lên
Ở nơi ấy có một dòng sông nhỏ
Giữa đôi bờ thoai thoải êm êm
Tôi đã thấy em ra sông gánh nước
Bắt chân trần hất lửa sáng dòng sông
Từng bậc cao đáng em nghiêng
nghiêng bước*

Vai nghiêng cùng đòn gánh cong cong.

(Đoàn Tuấn, 1997)

“Nét làng” mà Đoàn Tuấn nhìn thấy trên đất Campuchia không khác gì những hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam thanh bình yên ả, cũng dòng sông, khói bếp và người em gái gánh nước chiều chiều. Nhưng làng quê ấy vẫn là xứ người, với những vẻ đẹp rất riêng của thiên nhiên và phong tục, “*Có giếng nước xanh tròn vòm thốt nốt*” (Con khát và tiếng gà rừng - Đoàn Tuấn, 1997), có “*Mùa khô đã trở thành huyền thoại xa xôi/ Lửa cháy rừng chim bay thảng thốt/ Đất nứt nẻ nên chim im tiếng hó/ Không gian quay cuồng trời đất nóng như nung*” (Nhật ký một ngày - Lê Minh Quốc, 1997), có bóng dáng của những ngôi đền Angkor, những bức tượng Bayon huyền bí “*Trải qua chiến tranh, Bayon sứt môi, vỡ mắt/ Bị chôn chung trong đồng tro tàn*” (Cảm xúc trước một tượng Ba-yon không nguyên vẹn - Phạm Sỹ Sáu, 1988: 61). Cái nhìn so sánh giữa xứ người và xứ mình nảy sinh như một điều tất yếu: “*Chắc đất nước Khmer từ ngàn xưa đã ám no/ Nên hàng ngàn Apsara trong đền không cô nào yếu*

ôm/ Bất chợt tôi nghĩ đến những Nàng Hai, Cô Tấm/ Chỉ sống trên môi thôi, không được ở đền đài” (Tự thú trước đền Ăng-co, Phạm Sỹ Sáu, 1988: 40). Hình ảnh người con gái ra sông gánh nước trong đoạn thơ trên của Đoàn Tuấn vừa gợi nhớ đến người phụ nữ Việt Nam tần tảo với “Vai nghiêng cùng đòn gánh cong cong” nhưng lại vừa bừng lên vẻ đẹp hoang sơ độc đáo đầy linh khí Campuchia qua nét bút sống động “*Bắt chân trần hất lửa sáng dòng sông*”.

Các nhà thơ Việt bộc lộ sự đồng cảm và nỗi niềm cay đắng khi nghĩ về tình cảnh của đất nước và nhân dân Campuchia dưới chế độ Pol Pot. Trong suốt chiều dài lịch sử, người Việt đã từng là nạn nhân của nhiều cuộc chiến tranh xâm lược, cũng từng đau đớn trải qua cảnh nôi da xáo thịt, nhưng có lẽ chưa bao giờ chứng kiến sự tàn sát ở quy mô lớn đến thế và trực tiếp đến thế mà một lực lượng chính trị của một đất nước có thể gây ra cho chính đồng bào của mình. Tội ác ấy vừa gây ra đau thương, vừa kéo lùi cả một dân tộc trên bước đường tiến hóa:

*Cả một dân tộc cùng anh đi đến bước
đường cuối cùng*

*của một hành trình vòng quanh địa
ngục*

cuộc hành trình men bên miệng vực

phải mất bao nhiêu thời gian

phải mất bao nhiêu dặm đường

phải bước qua bao nhiêu xác chết

để hôm nay trở lại chỗ ban đầu

anh trở lại với hai bàn tay trắng

bao ruột thịt bạn bè đã bỏ lại phía sau

(Sông Mê-kông bốn mặt -

Anh Ngọc, 2015: 266)

Campuchia khổ đau, Campuchia máu chảy dưới lưỡi lê Pol Pot. Những người con đất Campuchia khóc ròng cho sự tàn ác diệt chủng của chính quyền. Những đứa trẻ vừa cất tiếng khóc chào đời rồi cũng lại cất tiếng

khóc kết thúc cho cuộc đời ngắn ngủi của chúng, những người mẹ mất con, những người chị mất em, những người bà mất cháu - họ khóc cho câu chuyện bi thương của chính họ, cho thảm kịch của đất nước nước họ. Những người mẹ ru con trong sự vô vọng của cái chết từ đũa con, lời ru mỏng như sợi tơ chùng trong đêm tối - ớn lạnh và âm muội:

*Tiếng ru mảnh như tơ chùng bên suối
Mang gương mặt âm hồn của đất
nước khổ đau?*

Sao lại sợ tiếng ru?

Chúng tôi không hiểu nỗi?

*(Đêm ấy chúng tôi nghe lời ru bổng sợ -
Đoàn Tuấn, 1997)*

Lời ru cất lên vắng vắng trong đêm tối, vang từ đâu trong bóng tối giữa rừng sâu, vang đến nơi trú của những người lính. Người lính nghe thấy lời ru, lời ru của mẹ cho đứa con chìm vào giấc ngủ, nhưng nó không còn vẻ trong sáng và chất chứa đầy tình thương dành cho con để con chìm vào giấc ngủ ngoan. Đó lại là lời ru cho chính người mẹ khổ đau, người mẹ ru cho nỗi đau thấu trời của mình. Vì chính lời ru không còn là cho con, lời ru nay đã hoá cho mẹ - nó mang âm hưởng của sự thể lương và sầu muộn, nó mang nỗi đau của trái tim bị lưỡi lê Pol Pot khứa chảy máu thành dòng. Nó khiến người lính hiểu ra họ đang chiến đấu vì điều gì, vì lẽ phải và vì sự thương đau của một dân tộc. Lính tình nguyện đặt câu hỏi cho lời ru “mang gương mặt âm hồn của đất nước khổ đau?”, câu hỏi nhưng lại là triết lý của thân phận con người Campuchia. Những con người sống trên đất nước mình, bị đất nước giết chết mình. Chế độ diệt chủng Pol Pot nói riêng hay chiến tranh nói chung đều khiến con người tạo ra những lời ru vất vưởng, lời ru không biết thật hay giả, lời ru từ đêm tối vọng về. Người lính tham

chiến lắng nghe câu chuyện sâu bi từ những lời ru mỏng manh tựa tơ đó, họ thấu hiểu cái gì làm nên nó và nó thể hiện cho nỗi khổ như thế nào. Họ chiến đấu vì một đất nước chỉ còn lời ru ngọt lành của mẹ ru con, của bà ru cháu. Một lời ru theo đúng bản chất của nó như dòng sữa ngọt lành đưa trẻ thơ vào giấc ngủ dịu hiền, loại bỏ những lời ru nhuộm màu đau thương và máu thịt. Nếu chiến tranh không diễn ra, nếu chế độ Pol Pot độc tài không xuất hiện trên mảnh đất hiện dụ Campuchia có lẽ những đứa trẻ chỉ cần cất tiếng khóc chào đời, chỉ cần nghe giọng ru của mẹ mà ngủ chứ không phải là những người lính - nghe lời ru rợn người từ đêm khuya vọng về.

3. Cái nhìn hướng nội: suy ngẫm về chính mình, về đồng đội và cuộc chiến tranh mà mình tham gia

Từ cái nhìn hướng ngoại, quan sát thế giới bên ngoài với kẻ thù, đất nước và nhân dân xứ bạn, người lính Tây Nam nhìn vào chính mình, cụ thể là động cơ lên đường của mình. “Thế hệ thứ tư” vẫn ra trận với lòng yêu nước và trách nhiệm công dân như cha anh mình. Không khó để thấy ở họ cái tinh thần quả cảm xông pha bảo vệ Tổ quốc đã từng xuất hiện rất nhiều trong thơ chống Pháp, chống Mỹ: “*Tổ quốc gọi chúng tôi lên đường làm lính/ Hiếu gian lao qua từng đám bụi mù*” (Mùa mưa đời lính đi qua - Phạm Sỹ Sáu, 1988: 28). Thế nhưng thơ của họ đã mất đi cái hồ hởi ngây thơ buổi đầu những cuộc chiến tranh trước như “*Một sớm mang về tin xuất trận/ Vội vàng súng đạn, nao nức lòng*” (Chính Hữu, 1984: 7) thời kháng Pháp hay “*Đường ra trận mùa này đẹp lắm*” (Phạm Tiến Duật, 1983: 42) thời kháng Mỹ, đồng thời cũng nhạt hẳn sắc thái lạc quan và cảm hứng sùng bái ngợi ca của dòng thơ sử thi. Những chùm thơ, trường ca viết về buổi đầu nhập ngũ của

Phạm Sỹ Sáu như *Ra đi từ thành phố, Mùa mưa đời lính đi qua* bên cạnh lòng quyết tâm còn tỏa ra nỗi ưu tư của người lính trẻ, sự luyện nhớ người thân, cảm giác bơ ngỡ khi bắt đầu đời lính, và cả nỗi bơ vơ khi chiến đấu ở bên kia biên giới.

Đồng đội ở đây được xem là đối tượng của cái nhìn hướng nội, vì người lính thường đồng nhất bản thân mình với đồng đội. Họ có cùng quê hương Việt Nam, cùng lý tưởng chiến đấu, cùng trải qua hy vọng và khổ đau. Đồng đội ít khi được xem như khách thể, người ngoài, mà được gộp với bản thân qua đại từ “chúng tôi”. Ngay cả khi các cá nhân trong cùng quân ngũ hành xử khác nhau, giọng thơ vẫn tỏa ra sự đồng cảm chứ không bất bình. Cũng vẫn là ý thức thể hệ và ý thức công dân, nhưng nếu như thể hệ thứ ba vẫn còn rất dứt khoát và kiên định “*Cả đời ông đời cha đều đánh giặc theo nhau/ Thử thách dẫu tốt cùng nhưng kiên trì phải gánh/ Máy thể hệ đã dám hy sinh để làm nên chiến thắng/ Thì còn lứa tuổi nào được tránh né chùn chân?*” (Bằng Việt, 1973: 53), “*Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?*” (Thanh Thảo, 1977: 38), thì Phạm Sỹ Sáu của thể hệ thứ tư lại rất hiểu sự yếu lòng của đồng đội mình, thông qua đó giải bày cả những ngổn ngang trong lòng mình:

*Những người ở rừng nhìn vắng sáng
hằng đêm*

*Không còn khoảng cách nào khi gọi
nhau là anh em*

[...]

Doanh trại không hàng rào

*Doanh trại chen giữa vạt rừng, nương
rẫy*

*Giữa những lô cao su tiếp nối điệp
trùng*

*Ra Phú Mỹ, Long Giao, Núi Đất,
Quang Trung...*

*Không cắm trại, có thể gặp người thân
ở chiêu đãi sở*

Mỗi lần hạ quyết tâm

Lại có vài đứa trốn về nhà

Vô có

*Không có hàng rào nào bằng sự tự
giác hi sinh.*

(*Chiến sĩ mới* - Phạm Sỹ Sáu, 1994: 5)

Thơ ca cất lên từ cuộc chiến tranh này có một điểm mới đáng lưu ý, đó là lần đầu tiên hành động đào ngũ được nhắc đến với giọng điệu thông cảm, và cũng là lần đầu tiên người lính thẳng thắn giải bày khao khát rời khỏi cuộc chiến tranh. Trước đó, thơ ca nói riêng và văn học cách mạng nói chung xem đào ngũ là hành động hèn nhát đáng khinh miệt, nhưng trong cuộc chiến này, Phạm Sỹ Sáu phơi bày lên trang giấy những cảm dỗ đối với người lính trẻ: chiến trường gian khổ quá, quê hương và người thân gần quá, đào ngũ cũng dễ dàng quá... Nhưng tất cả những thứ ấy không hạ thấp người lính Tây Nam, chỉ khiến chân dung của họ trở nên gần gũi hơn, đời hơn mà thôi, đồng thời nó cũng làm tăng thêm giá trị của những người đã vượt qua được cảm dỗ mà ở lại.

Trong thơ của người đi chiến đấu xa nhà thời nào cũng có nỗi niềm thương nhớ quê hương, nhưng nếu như người lính chống Mỹ thường hướng về phía trước “*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*” (Phạm Tiên Duật, 1983: 26), “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai*” (Tô Hữu, 1972: 35) thì người lính Tây Nam lại rất hay ngoái nhìn lại phía sau, nơi có Tổ quốc, có thành phố sáng đèn, có cuộc sống hòa bình yên ổn: “*Trải mình hết cuộc chiến tranh/ Chỉ mong trở lại phố thành làng xưa*” (Phạm Sỹ Sáu, 2016: 45). Người lính chống Mỹ dù vượt hàng ngàn ki-lô-mét Trường Sơn thì vẫn bước đi trên Tổ quốc

mình, vẫn gặp đồng bào mình, vẫn nghe một thứ tiếng chung quen thuộc. Người lính Tây Nam chiến đấu cách quê hương chỉ vài ki-lô-mét thôi, nhưng đó lại là lãnh thổ của một quốc gia khác. Cuộc chiến đấu bên ngoài Tổ quốc phần nào giải thích cho khao khát trở về của người lính.

*Không cần vé vẫn lên tàu đi B
Sang K, C cũng chẳng cần hộ chiếu
Những con đường chiến tranh đơn điệu
Lính chỉ mong: một lối trở về!*

(Đường lính - Đoàn Tuấn, 1997)

Những câu thơ trên phơi bày hoàn cảnh chẳng đặng đừng và tâm trạng lực bất tòng tâm của người lính, làm rõ cho mệnh đề có vẻ mâu thuẫn nhưng lại luôn có lý, đó là người lính dấn thân vào chiến tranh nhưng lại rất yêu hòa bình. Người Việt Nam trải qua rất nhiều cuộc chiến tranh, nhưng hoàn toàn không phải vì hiếu chiến. Mỗi lần người lính bước chân vào một cuộc chiến đều là một lần chẳng đặng đừng. Họ chẳng tha thiết gì việc chém giết để lập công. Đường đi đến chiến trường miền Nam (chiến trường B), chiến trường Campuchia (chiến trường K), chiến trường Lào (chiến trường C) đều là “những con đường chiến tranh đơn điệu”, những con đường bất thường không cần vé, không cần hộ chiếu, như những cỗ máy lặng thinh nuốt lấy lớp lớp thanh niên vào trong lò lửa chiến tranh.

Trên chiến trường nước bạn xa lạ, trước quân thù tàn bạo thuộc hàng khét tiếng trong lịch sử, người lính Tây Nam ngẫm nghĩ về tính chất của cuộc chiến và vai trò của họ ở đó. Hoàng thân Shihanouk, tuy không cùng phe phái với Khmer Đỏ, đã cáo buộc Việt Nam xâm lược Campuchia, và điều này cũng lôi kéo được sự đồng thuận của không ít người ngoài đứng từ những điểm nhìn và lợi ích chính trị khác nhau (Swan, 2019: 98). Năm xưa, người lính

chống Pháp, chống Mỹ chiến đấu trên dải đất quê hương có thể tự tin giương cao ngọn cờ chống ngoại xâm bảo vệ độc lập tự do và toàn vẹn lãnh thổ. Người lính Tây Nam lúc này, đứng trước bao nhiêu cáo buộc, đã nhắc mình và nhắc người về tính chất chính nghĩa của cuộc chiến mà họ và đồng đội đang đổ máu xương: đó là cuộc chiến bảo vệ Tổ quốc từ xa và thực hiện nghĩa vụ quốc tế chống nạn diệt chủng. Suy cho cùng, người lính Việt dù chiến đấu ở mặt trận nào cũng vì mục đích tối thượng là bảo vệ Tổ quốc mình. Vào thế kỷ mười một, Lý Thường Kiệt từng kéo quân vượt biên giới đánh sập căn cứ Ung Châu của nhà Tống lúc bấy giờ đang chuẩn bị tấn công Đại Việt. Xong chiến dịch, Lý Thường Kiệt rút quân về nước. Tương tự như vậy, người lính Việt trong thế kỷ hai mươi cũng không thể đứng yên nhìn quân đội Pol Pot tấn công vào lãnh thổ của mình và thăm sát đồng bào mình. Người lính Tây Nam khi hành quân trên đất đai xứ người, kính cẩn nhìn phù điêu tạc dáng những vị thần linh xa lạ, vẫn luôn ý thức mình đang đi tiếp hành trình giữ nước của cha anh nhưng đồng thời cũng cảm khái cho hoàn cảnh đặc biệt của thế hệ mình:

*Chưa có phù điêu tạc dáng những
chàng trai*

*Đi giữ nước mà mang trong lòng - nhớ
nước*

Bao thế hệ hành quân ra phía trước

Có thế hệ nào giữ nước từ xa không?

(Trước đèn Ăng-co - Phạm Sỹ Sáu,
1988: 40)

Tương tự như Phạm Sỹ Sáu đặt thế hệ mình vào cuộc hành quân trường chinh thăm thẳm của dân tộc, Đoàn Tuấn cũng lồng ghép người lính vào dáng hình Tổ quốc. Cả hai đều nhấn mạnh tính chất vệ quốc từ xa của cuộc chiến Tây Nam.

Máu chúng con đổ bên ngoài Tổ quốc

*Cho mai sau sông núi thờ dịu dàng
 Ôi đất nước võng giăng thành biên
 giới
 Con trai nằm gập khúc dáng đường
 biên
 Ôi những tâm hồn như đá giăng
 trong veo
 Tổ quốc in vào vàng trắng tình nguyện
 Có bóng đa như cuộc đời của mẹ
 Gửi sang đây những ngọn gió mát
 lành...*

(An-lung năm 1981 - Đoàn Tuấn, 1997)

Ở đây ta gặp lại cảm hứng sử thi quen thuộc của thơ ca cách mạng với những hình ảnh ẩn dụ kỳ vĩ, gắn cá thể con người vào những hình ảnh trù tượng lớn lao và cụ thể hóa những điều trù tượng thành những hình ảnh thực tế sinh động. Lê Anh Xuân (1993: 162) từng vẽ nên hình ảnh tráng lệ của người chiến sĩ giải phóng quân thời chống Mỹ “*Máu anh phun theo lửa đạn cầu vồng*” trên đường băng Tân Sơn Nhất. Những đường cong đầy sống động “*võng giăng thành biên giới*” và “*gập khúc dáng đường biên*” gợi liên tưởng về hình dáng cong cong của bản đồ Việt Nam. Không phải là súng đạn, vũ khí mà chính chiếc võng hiền lành của người lính định hình nên dáng vóc Tổ quốc. Những chiếc võng mà họ mắc lên cây rừng trên đường hành quân đã đánh dấu những cuộc trường chinh gian khổ, đánh dấu từng tấc đất biên cương mà họ đổi máu xương để giữ gìn. Dáng nằm gập khúc co ro được ẩn dụ với dáng hình đất nước nhưng đồng thời cũng rất hiện thực. Người lính nằm co ro giữa rừng không phải chỉ vì lạnh, vì đói, mà còn vì lo sợ, bất an. Đó là tư thế của đứa trẻ trong bụng mẹ, yếu đuối mong manh và cần sự che chở. Câu thơ gọi lên trong lòng độc giả một cảm xúc kếp, vừa choáng ngợp với sự hy sinh lớn lao của người lính, vừa thương xót họ như thương

người anh trai, em trai gần gũi trong nhà.

Người lính Việt ở chiến trường Tây Nam còn nhận thức được rằng trong lúc bảo vệ Tổ quốc từ xa, họ cũng đồng thời đang thực hiện nghĩa vụ quốc tế giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng do quân đội Khmer Đỏ gây ra. Cũng chính tính chất quốc tế này của cuộc chiến tranh mà những người lính ấy mang tên gọi “đoàn quân tình nguyện”.

*Chúng tôi trở thành đoàn quân tình
 nguyện*

*ba năm chưa nhận được thư nhà
 tìm Tổ quốc qua những trang thư
 mỏng*

đêm ở rừng nổi nhớ bay xa.

*Tôi đến Campuchia từ ngày đầu giải
 phóng*

*làm người khổng lồ che lấp đau
 thương*

làm con kiến bò trên từng kilômét

nhận về mình cay đắng lẫn yêu thương

(*Đất nước và người lính -*

Lê Minh Quốc, 1997)

Những cuộc kháng chiến trước kia cũng từng quy tụ lớp lớp thanh niên xung phong ra trận, nhưng họ không được gọi là “đoàn quân tình nguyện” vì sự xung phong ấy được quy vào nghĩa vụ công dân đối với Tổ quốc mình. Trong khi đó, đối tượng bảo vệ của người lính Tây Nam ngoài Tổ quốc Việt Nam còn có cả người dân vô tội của đất nước láng giềng, vốn là những người mà họ không có nghĩa vụ phải bảo vệ.

Chúng mình là những ngôi sao chiến sĩ

Đi băng lên lợi qua dải ngân hà

Mang tuổi xuân trái tim đẹp như hoa

Cứu cánh rừng thốt nốt đang cụt ngọn

(*Sau màu xanh lá - Đoàn Tuấn, 1997*)

Người lính hy sinh vì Tổ quốc của mình đã đánh, họ còn tự hào vì góp phần cứu những vẻ đẹp khác của cuộc đời này, vẻ đẹp

thuộc về một dân tộc khác, một đất nước khác. Những vần thơ bộc lộ tình người hồn nhiên của họ, với khát khao vĩ đại của tuổi trẻ “đi băng lên lội qua dải ngân hà”, “làm người không lờ che lấp đau thương” không chỉ của nhân dân mình mà còn của nhân dân nước bạn. Thật ra, cuộc chiến tranh này mang tính chất kép mà trong đó sự tình nguyện với nước bạn không thể tách rời khỏi nghĩa vụ công dân với nước mình. Người lính Việt Nam không đến với cuộc chiến tranh này chỉ với mục đích cứu trợ nhân đạo thuần túy, thế nhưng họ cũng không xem nhẹ nhiệm vụ đính kèm này, mà ngược lại, dốc lòng dốc sức và vô cùng tự hào vì nó.

Những hình ảnh kỳ vĩ mang màu sắc sử thi đã phân tích ở trên không làm cho thơ ca viết về chiến tranh biên giới Tây Nam căng phồng niềm lạc quan như thơ ca cách mạng những giai đoạn trước. Từ cuộc chiến này, các nhà thơ đã dần thay đổi bút pháp khi khắc họa chân dung người lính. Không chỉ suy tư về Tổ quốc và thời đại, họ còn nghĩ về sự hạn định của kiếp người trong cõi đời vô hạn:

Kiếp người thì hữu hạn

Cõi đời quá mỏng lung

Tao mày có gì chung

Trong tâm tình bé nhỏ?

(*Đồng đội* - Lê Minh Quốc, 1997)

Ngoài những chân dung người anh hùng được đóng khung với ý thức trách nhiệm và lòng dũng cảm, các nhà thơ còn khắc họa sự đa dạng và tâm tình cá nhân của những người lính, giải bày nỗi sợ hãi, cô đơn của họ, thẳng thắn nói về hành động đào ngũ của một vài cá nhân và niềm khao khát hồi hương của tất cả mọi người, lật lại mặt trái của huân huy chương: “*Dòng chữ Tổ quốc ghi công/ Tổ quốc ghi mà cha mẹ vợ con như xát muối trong lòng*” (*Giữa*

ngày và đêm - Phạm Sỹ Sáu, 2016: 45). Nhìn chung, thơ viết về chiến tranh biên giới Tây Nam thường chùng xuống với giọng điệu u trầm hơn so với những bản anh hùng ca bè cao cất lên từ những cuộc kháng chiến trước. Điều này có thể xuất phát từ tính chất của cuộc chiến như đã phân tích ở trên và từ sự chuyển dịch tất yếu của tư duy văn học nói chung, thơ ca viết về chiến tranh nói riêng sau năm 1975. Cuối thập niên 1970, đầu thập niên 1980, khắp văn đàn Việt Nam rục rịch nhu cầu và động thái vượt thoát khỏi những ràng buộc của “*văn nghệ minh họa*” (Nguyễn Minh Châu, 1987: 3) với lối viết ngợi ca một chiều và những khuôn mẫu đã dần trở thành sáo rỗng. Ngoài ra, cũng không thể không kể đến những ảnh hưởng của văn nghệ đô thị miền Nam. Đất nước thống nhất khiến những dòng chảy văn chương khác nhau len lỏi hòa lẫn vào nhau bất chấp những chế ngự ngặt nghèo ở những thời điểm nhất định. Phạm Sỹ Sáu (1994: 45) ghi lại trong thơ mình: “*Có đĩa còn mê cái rên ri nhạc vàng/ ‘Rừng lá thấp’... nghe băng quơ sâu não ruột*” (*Đến với biên giới miền Đông*). Nhạc vàng, đánh giá bằng chuẩn mực của văn nghệ cách mạng, là ủy mị và có hại cho tinh thần chiến đấu của bộ đội, thế nhưng người lính tìm thấy trong đó sự chia sẻ, đồng cảm sau khi đã mệt mỏi vì hát những khúc tráng ca. Một cách hết sức tự nhiên, thơ chiến tranh biên giới Tây Nam đón lấy cái phần yếu đuối rất đời này từ văn nghệ miền Nam trước kia để tạo nên phần bè trầm sâu lắng, nhưng vẫn dung hòa được nó với phần bè cao kể thừa từ truyền thống mấy mươi năm của thơ ca cách mạng. Người lính Tây Nam vừa dấn thân vào chiến tranh với ý thức công dân, ý thức thế hệ, trách nhiệm quốc tế, vừa cảm nhận rõ sự nghiệt ngã của chiến tranh đối với số

phận con người. Với mỗi phức cảm đó, Đoàn Tuấn đã mong mỏi:

*Sau ta, sau ta mong đừng ai nữa
Biết thế nào là một cuộc chiến tranh
(Kỷ niệm ngày nhập ngũ -
Đoàn Tuấn, 1997)*

4. Kết luận

Tóm lại, qua thơ ca, người lính Việt Nam trong cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam hiện lên với lòng yêu nước, ý thức công dân, ý thức thế hệ mà họ kế thừa từ lớp lớp thanh niên trước đó đã từng ra trận, nhưng đồng thời họ cũng mang trong lòng những tâm sự rất riêng bắt nguồn từ những trải nghiệm thực tế trong một cuộc chiến tranh hoàn toàn khác. Đối đầu với kẻ thù cực đoan mông muội và hung bạo khét tiếng trong lịch sử, tận mắt chứng kiến đất nước Campuchia xinh đẹp lụi tàn dần trong cảnh thảm sát, người lính Tây Nam ngẫm nghĩ về mình, về đồng đội và bản chất của cuộc chiến tranh, củng cố mục tiêu bảo vệ đất nước từ xa và giúp đỡ nhân dân láng giềng trong cơn hoạn nạn. Một mặt họ ngoan cường và quả cảm, kiên định với lý tưởng, nhưng mặt khác họ cũng không che giấu những phút yếu lòng rất đời của mình. Đây là một trong những biểu hiện của sự dịch chuyển thi pháp viết về người lính trong văn học Việt Nam sau 1975, cũng đồng thời là kết quả của sự giao thoa các dòng chảy văn học sau ngày đất nước thống nhất. Cuộc chiến Tây Nam tuy ngắn nhưng cũng đã để lại những tiếng thơ thật nhiều xúc động, vừa giàu màu sắc hiện thực vừa có thể đại diện cho văn chương Việt Nam buổi giao thời.

Tài liệu tham khảo

- Anh Ngọc (2015). *Ngàn dặm và một bước. Sông Mê-Kông bốn mặt*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà văn.
- Bằng Việt (1973). *Những gương mặt, những khoảng trời*. Hà Nội, Nxb Văn học.
- Chính Hữu (1984). *Đầu súng trăng treo*. Hà Nội, Nxb Văn học.
- Đoàn Tuấn và Lê Minh Quốc (1997). *Đất bên ngoài Tổ quốc*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Lê Anh Xuân (1993). *Tuyển tập thơ Ca Lê Hiến (Lê Anh Xuân)*. Hà Nội, Nxb Văn học.
- Nguyễn Minh Châu (1987). Hãy đọc lời ai điều cho một giai đoạn văn nghệ minh họa. *Tạp chí Văn nghệ*, 49&50.
- Phạm Tiến Duật (1983). *Vàng trắng và những quãng lửa*. Hà Nội, Nxb Văn học.
- Phạm Sỹ Sáu (1988). *Điểm danh đồng đội*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh.
- Phạm Sỹ Sáu (1994). *Ra đi từ thành phố*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Phạm Sỹ Sáu (2008). *Khúc ca đồng đội*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh.
- Phạm Sỹ Sáu (2016). *Giữa ngày và đêm*. Hà Nội, Nxb Văn hóa Dân tộc.
- Thanh Thảo (1977). *Những người đi tới biển*. Hà Nội, Nxb Quân đội Nhân dân.
- Tố Hữu (1972). *Ra trận*. Hà Nội, Nxb Văn học.
- Swann, W. (2009). *21st Century Cambodia: View and Vision*. New Delhi: Global Vision Publishing House.